



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **VungTauTourist**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3500101812
- Vốn điều lệ : 186.445.000.000d (Một trăm tám mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Cơ cấu vốn	Vốn điều lệ	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	109.784	58,88
2	Vốn các cổ đông khác	76.661	41,12
	Tổng cộng	186.445	100

- Địa chỉ : 207 Võ Thị Sáu - Phường Thắng Tam – TP. Vũng Tàu
- Số điện thoại : 0254.3856445 - 3856446
- Số fax : 0254.3856444
- Website : <http://www.vungtautourist.com.vn>
- Mã cổ phiếu : VTG

2. Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vungtau Tourist) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 236/QĐ.UBT ngày 10/4/1996 của Ủy Ban nhân dân tỉnh BR-VT.

Ngày 28/12/2005, Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cổ phần hóa từ công ty nhà nước theo quyết định số 5078/QĐ. UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh BR-VT. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500101812, đăng ký lần đầu ngày 05/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp.

Đến nay, ngoài thương hiệu Vungtau Tourist, các thương hiệu con như: Khu du lịch Biển Đông, Khách sạn Sammy, Khách sạn Thủy Vân được nhiều du khách biết đến.

Công ty hiện có 16 khoản vốn góp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Trong đó có 02 công ty con, 02 đơn vị liên doanh liên kết và 12 đơn vị đầu tư khác, đa phần hoạt động trong lĩnh vực du lịch, giải trí.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu.

- Dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay...hoạt động thể thao dưới nước.

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ).

- Dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: chở khách du lịch bằng xe xích lô.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; đại lý khai thuê hải quan.

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

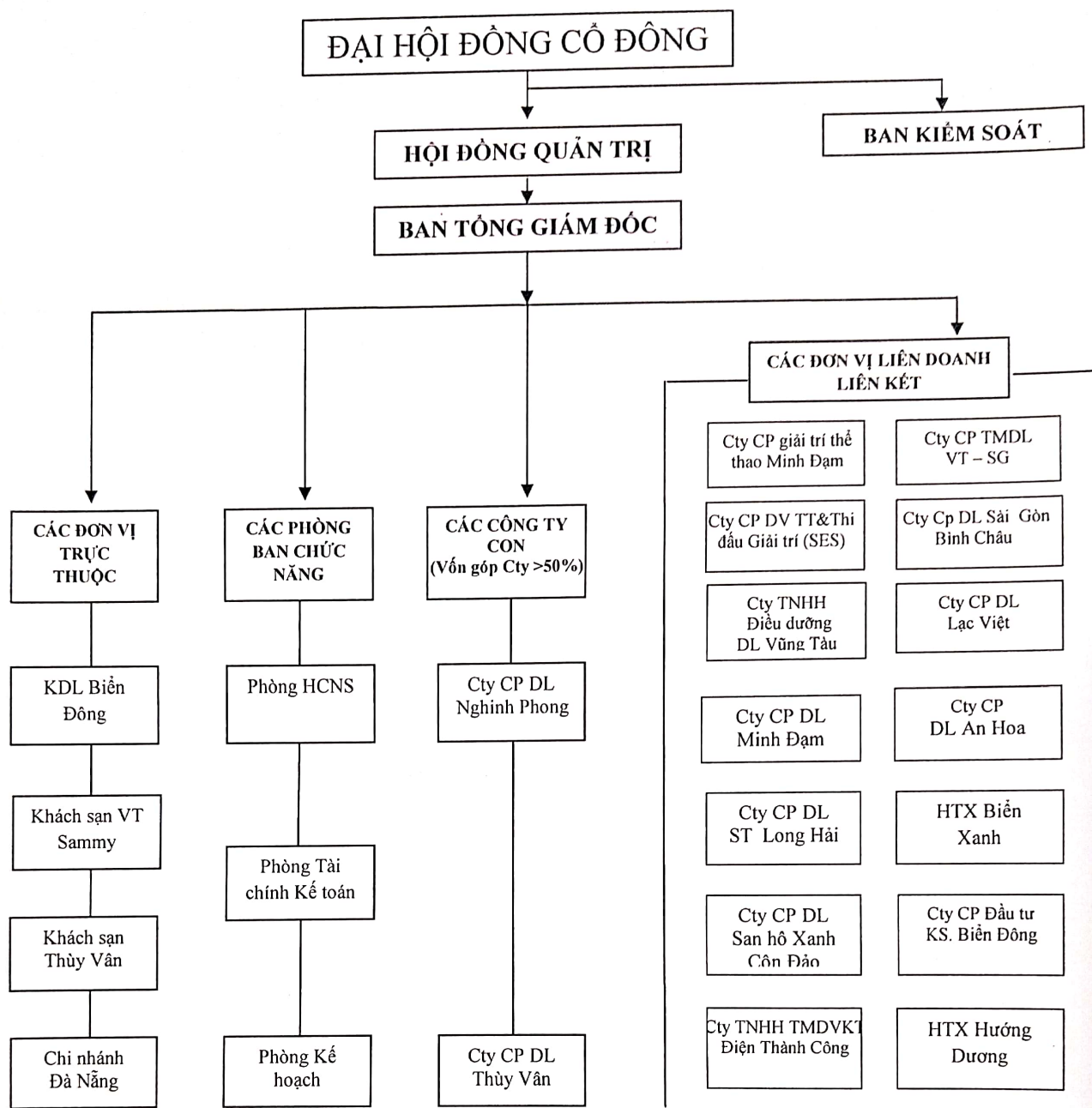
...

3.2. Địa bàn kinh doanh : tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Thành phố Đà Nẵng.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Thông tin về người có liên quan của công ty:

Số TT	Tên tổ chức / cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ngày miễn nhiệm
1	Vốn nhà nước Đại diện: Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch HĐQT	10.978.400 cp	58.88%	
2	Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	2.800 cp		31/7/2020 28/8/2020
3	Công ty TNHH XD&DVTM An Khang Đại diện: Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	932.225 cp	5%	28/8/2020

4	Công ty TNHH TM-DL Ngọc Lâm Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên HĐQT	2.237.340	12%	
5	Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Kế toán trưởng Thành viên HĐQT	1.600 cp		
6	Ông Lê Chí Toàn	Phó TGD	2.900 cp		
7	Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng BKS	200 cp		
8	Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên BKS	130 cp		
9	Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên BKS	00 cp		

5. Định hướng phát triển:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc vốn hợp lý, hiệu quả. Tập trung tiềm lực vào hoạt động kinh doanh chính trên địa bàn Tỉnh BR-VT.
- Thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh.
- Điều chỉnh mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp trong từng giai đoạn để tập trung đầu tư, phát triển thị trường.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát. Quan tâm sâu sát hơn nữa các đơn vị trực thuộc để có những hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời. Đồng thời hướng dẫn đơn vị thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí phù hợp với từng đơn vị trực thuộc nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng, ban hành quy chế lương thưởng phù hợp để áp dụng trên toàn hệ thống công ty.
- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Kiến nghị về sắp xếp tài sản nhà đất cho phù hợp với chủ trương của Tỉnh và hiệu quả nhất cho Công ty (Nghị định 167- NĐ/CP).
- Tiếp tục kiến nghị có kết quả về tiền thuê đất.

6. Cơ cấu cổ đông:

6.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần.

Loại cổ phần đang lưu hành: phổ thông.

6.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	NỘI DUNG	SỐ NHÀ ĐÀU TƯ	CP NẪM GIỮ	TỶ LỆ
I.	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:			
1	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:			
	CỔ ĐÔNG LỚN (>=5%)	4	16.012.415	85,88%
	CỔ ĐÔNG NHỎ (<5%)	180	2.632.085	14,12%
II.	Phân loại theo chủ sở hữu:			
1	Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân			
	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	8	17.440.988	93,54%
	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	176	1.203.512	6,46%

2	Cổ đông trong nước			
	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	184	18.644.500	100%
3	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	0	0	0
	Cổ đông nhà nước, cổ đông khác			
	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	10.978.400	58,88%
	CỔ ĐÔNG KHÁC	183	7.666.100	41,12%

7. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: suy thoái kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh du lịch, khách du lịch giảm sút, chi tiêu cho du lịch thấp.

- Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh: điều kiện thời tiết, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến ngành du lịch, dịch vụ.

- Nguồn vốn đầu tư dàn trải, nằm ở các dự án liên doanh-liên kết là chủ yếu ; một số dự án chưa được triển khai thực hiện hoàn chỉnh để đưa vào kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát nhiều đợt làm cho tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vô cùng khó khăn. Đỉnh điểm là trong tháng 04/2020, thực hiện chủ trương giãn cách xã hội của Chính phủ và UBND tỉnh, Công ty tạm thời đóng cửa, ngừng kinh doanh một số đơn vị trực thuộc.

Tại tỉnh BR-VT, kể từ 00 giờ ngày 07/5/2020 các bãi tắm biển được phép hoạt động trở lại, tình hình khách du lịch khởi sắc hơn, tuy nhiên thị trường vẫn chưa phục hồi, mức chi tiêu cho du lịch còn hạn chế, du khách tiết giảm tối đa, chỉ sử dụng những dịch vụ cần thiết.

Cuối tháng 7/2020, dịch bệnh lại bùng phát tại Đà Nẵng, khách đoàn huỷ, khách lẻ không có. Tình hình kinh doanh đã khó khăn, càng khó khăn hơn.

Do đó, kết quả kinh doanh không như mong muốn, giảm so với cùng kỳ.

2. Kết quả kinh doanh:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NỘI DUNG	Mã số	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	60.369.364.061	59.293.227.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	18.396.099.238	17.230.887.405
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	30.500.000.000	26.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	9.844.801.459	13.687.783.760
Hàng tồn kho	140	931.293.804	1.306.432.444
Tài sản ngắn hạn khác	150	697.169.560	1.068.123.726
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	149.667.310.802	167.498.577.503
Các khoản phải thu dài hạn	210	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220	44.410.243.259	50.956.374.285
Bất động sản đầu tư	230	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	102.304.022.546	111.838.358.904
Tài sản dài hạn khác	260	2.453.044.997	4.203.844.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	210.036.674.863	226.791.804.838
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	55.403.260.663	54.714.542.046
Nợ ngắn hạn	310	40.842.202.400	38.813.771.783
Nợ dài hạn	330	14.561.058.263	15.900.770.263
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	154.633.414.200	172.077.262.792
Vốn chủ sở hữu	410	154.633.414.200	172.077.262.792
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	210.036.674.863	226.791.804.838

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	54.364.665.003	102.900.945.774
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần	10	54.364.665.003	102.900.945.774
Giá vốn hàng bán	11	30.676.579.957	52.090.605.662
Lợi nhuận gộp	20	23.688.085.046	50.810.340.112
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.580.054.933	7.299.268.907
Chi phí tài chính	22	6.207.401.271	(9.679.613.713)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	-	10.022.986
Chi phí bán hàng	25	17.715.034.348	25.916.629.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.872.225.102	33.350.851.701
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	(17.526.520.742)	8.521.741.292
Thu nhập khác	31	248.851.497	42.619.105
Chi phí khác	32	166.179.347	413.535.556
Lợi nhuận khác	40	82.672.150	(370.916.451)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(17.443.848.592)	8.150.824.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	2.562.719.824
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(17.443.848.592)	5.588.105.017

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã kiểm toán)

BCTC HỢP NHẤT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	70.405.222.603	66.128.139.088
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	21.709.010.385	18.960.253.708
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	30.500.000.000	26.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	14.082.938.035	16.277.951.169
Hàng tồn kho	140	1.035.120.103	1.440.805.622
Tài sản ngắn hạn khác	150	3.078.154.080	3.449.128.589
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	143.202.003.894	164.470.912.794
Các khoản phải thu dài hạn	210	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220	82.276.240.154	91.698.254.252
Bất động sản đầu tư	230	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	55.799.005.750	64.674.588.232
Tài sản dài hạn khác	260	4.626.757.990	7.598.070.310
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	213.607.226.497	230.599.051.882
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	50.981.460.049	50.570.135.675
Nợ ngắn hạn	310	36.300.401.786	34.549.365.412
Nợ dài hạn	330	14.681.058.263	16.020.770.263
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	162.625.766.448	180.028.916.207
Vốn chủ sở hữu	410	162.625.766.448	180.028.916.207
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	213.607.226.497	230.599.051.882

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	73.168.437.447	131.408.308.559
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần	10	73.168.437.447	131.408.308.559
Giá vốn hàng bán	11	41.834.048.578	66.662.579.409
Lợi nhuận gộp	20	31.334.388.869	64.745.729.150
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.238.929.760	6.387.510.927
Chi phí tài chính	22	5.115.067.758	(5.449.741.140)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	-	12.306.073
Phân lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24	(433.579.637)	(133.329.162)
Chi phí bán hàng	25	19.833.369.815	29.454.938.487
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.821.229.295	38.884.737.295
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	(16.629.927.876)	8.109.976.273
Thu nhập khác	31	249.210.588	72.201.080
Chi phí khác	32	219.378.680	493.595.460
Lợi nhuận khác	40	29.831.908	(421.394.380)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(16.600.095.968)	7.688.581.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	165.143.081	4.219.927.783
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(16.765.239.049)	3.468.654.110
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(17.244.349.913)	2.793.151.365
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	479.110.864	675.502.745
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(925)	150

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán)

3. Đầu tư ngoài doanh nghiệp: Công ty góp vốn vào các dự án như sau:

- Công ty con:

DVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Công ty CP DL Nghinh Phong	37.795.840.000	96,18	
2	Cty CP DL Thùy Vân	9.868.495.615	50,07	
	Tổng cộng	47.664.335.615		

- Các dự án khác:

DVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Công ty CP Đầu tư khách sạn Biển Đông	9.360.832.918	26,53	
2	Cty CP giải trí thể thao Minh Đạm	1.190.000.000	35	
3	Cty DV TT & TĐGT (SES)	1.169.190.000	2,00	
4	Cty TNHH Điều Dưỡng DL Vũng Tàu	2.452.372.777	7,12	
5	Cty CP DL Minh Đạm	2.784.000.000	10,00	
6	Cty CP DL sinh thái Long Hải	3.468.701.654	5,83	
7	Cty CP DL San Hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	2,67	
8	Cty TNHH TMDVKT Điện Thành Công	800.000.000	20,00	
9	Cty CP TMDL Vũng Tàu – Sài Gòn	9.390.560.000	7,63	
10	Cty CP DL Sài Gòn – Bình Châu	28.602.790.000	4,05	
11	Cty TNHH DL Nam Biển Đông	3.326.935.087	14,29	Đã chuyển nhượng tháng 3/2020
12	Cty CP DL Lạc Việt	13.000.000.000	5,61	
13	Cty CP DL An Hoa	500.000.000	1,00	
14	HTX Biển Xanh	10.000.000		
15	HTX DL Hướng Dương	5.000.000		
	Tổng cộng	76.860.382.436		

Các khoản vốn góp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp chiếm tỷ trọng tương đối lớn (gần 67%) trong vốn điều lệ Công ty.

Từ khi góp vốn đầu tư, chỉ có Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn – Bình Châu, Công ty CP DL TM Vũng Tàu – Sài Gòn và Công ty cổ phần du lịch Thùy Vân là những đơn vị hoạt động hiệu quả và được chia cổ tức hàng năm từ 5-10%. Năm 2020 do bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên 2 công ty Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn – Bình Châu, Công ty CP DL TM Vũng Tàu – Sài Gòn không thực hiện chia cổ tức.

Phân vốn góp vào Công ty CPDL Nghinh Phong: Từ năm 2017 hoạt động đã có hiệu quả.

Các khoản vốn đầu tư còn lại: Một số đang trong giai đoạn đầu tư dở dang, một số có chủ trương thu hồi đất, thu hồi dự án, thi hành án, tranh chấp kiện tụng, hoạt động không hiệu quả, lỗ lũy kế lớn. Do đó, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đầu tư tài chính khá lớn cho các khoản đầu tư này làm ảnh hưởng nặng nề và trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Các yếu tố tác động đến tình hình kinh doanh năm 2020:

- Năm 2020, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã tác động rất lớn đến kinh tế, xã hội trên toàn thế giới, kinh tế giảm sút nghiêm trọng, đời sống xã hội gặp nhiều khó khăn và đặc biệt đã ảnh hưởng rất nặng nề đến ngành Du lịch do cách ly xã hội, hạn chế tiếp xúc, đóng cửa đường bay Quốc tế, ngừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài...

- Tình hình thiên tai, bão lũ ngày càng nặng nề, nhất là nạn hạn hán ở Đồng bằng Sông Cửu Long, khu vực miền Trung còn hứng chịu trận lũ lịch sử và hậu quả nặng nề từ 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Ngành Du lịch Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng phải đối mặt với những khó khăn chưa từng có.

- Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, tại Vũng Tàu nhiều đơn vị du lịch, khách sạn, homestay... mới đi vào hoạt động trong khi lượng khách ngày càng giảm, giá phòng cạnh tranh nên cũng phải giảm theo.

- Công nợ phải thu khó đòi trước đây còn tồn đọng lớn, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Một số tài sản đất đai đang bị tranh chấp khiếu kiện.

- Cơ sở vật chất qua thời gian dài hoạt động đã xuống cấp, việc đầu tư cải tạo hàng năm có tiến hành nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách.

- Tiền thuê đất tăng đột biến, nhất là đất ở khu vực biển Bãi Sau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của đơn vị.

- Công tác thanh kiểm tra, kiến nghị, khiếu nại, giải trình kéo dài cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Kết quả một số hoạt động:

- Công tác nhân sự: Công ty đã và đang tiến hành củng cố, định biên, ổn định tổ chức, đến hiện tại đã dần ổn định. Tại các đơn vị trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác luân chuyển lao động, tăng kiêm nhiệm, giảm cán bộ trung gian, bố trí lao động phù hợp với sự phát triển của đơn vị cơ sở.

- Công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng. Vì thế nhiều công ty lữ hành lớn như Lữ hành Việt, Viettravel, Saigon Tourist... đã tín nhiệm chọn tổ chức cho những đoàn khách lớn.

- Công ty, các đơn vị trực thuộc đã triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh: Xây dựng các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, có chính sách giá cả linh hoạt, thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt thị trường, tăng cường công tác tổ chức tiếp thị trực tiếp, chăm sóc khách hàng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, TP HCM, Bình Dương, Đồng Nai... nhằm duy trì thường xuyên lượng khách hàng truyền thống và

khai thác thêm lượng khách hàng mới. Công tác bán dịch vụ qua mạng ngày càng có hiệu quả. Doanh thu bán phòng trực tuyến trên các kênh agoda.com, traveloka, booking.com,... luôn được duy trì. Thông qua mạng internet, thương hiệu VungTau Tourist nói chung và các thương hiệu con ngày càng được khách hàng biết đến.

IV. Hoạt động quản trị công ty:

1. Hoạt động giám sát của HĐQT:

- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, HĐQT thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với Ban điều hành để giải quyết những khó khăn nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Giám sát việc giao cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chuyên nhượng thành công phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH DL Nam Biển Đông, quyền mua cổ phần của Công ty tại Công ty CP DL San Hô Xanh Côn Đảo.

- Đối với các vấn đề cần có sự thông qua của HĐQT, nếu không tổ chức được các cuộc họp thảo luận thì thông qua các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bằng hình thức lấy ý kiến qua thư tín.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

- Giám sát việc ban hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT công ty. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT công ty đều được ban hành trên cơ sở tuân thủ Điều lệ công ty, quy định, quy chế quản trị nội bộ của công ty.

- HĐQT công ty thực hiện đầy đủ, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

- Tổ chức giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Việc phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc với cổ đông được duy trì và thực hiện tốt đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT.

Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với Ban kiểm soát trên mọi lĩnh vực hoạt động.

4. Các giao dịch:

- Ngày 12/03/2020, Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Thương mại An Khang đã đăng ký bán 263.463 cổ phiếu. Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2.796.675 cổ phiếu, tương ứng 15% vốn điều lệ của công ty. Thời gian thực hiện giao dịch: 27/03/2020.

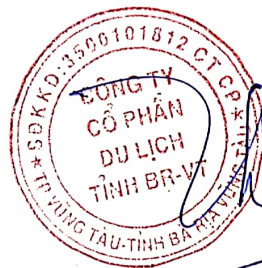
- Ngày 14/09/2020, Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Thương mại An Khang đã đăng ký bán 1.864.450 cổ phiếu. Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:

932.225 cổ phiếu, tương ứng 5% vốn điều lệ của công ty. Thời gian thực hiện giao dịch: 21/09/2020.

IV. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán, xác nhận và được công bố tại địa chỉ website của công ty : www.vungtautourist.com.vn

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 4 năm 2021
Xác nhận
của người đại diện theo pháp luật



Thái Hoàng Thân